

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ - theo định hướng ứng dụng**

Ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Anh**

Tên tiếng Anh: **English Language**

Mã ngành: 8220201

Loại hình đào tạo: Chính quy

Hình thức đào tạo: Tập trung

Bình Định, 2021

triển khoa học - kỹ thuật, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của đất nước; đủ kiến thức để tự định hình hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập và nghiên cứu xa hơn trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh.

+ PO4: Có khả năng bắt kịp những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn để có thể đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu và ứng dụng tiếng Anh vì những mục đích ứng dụng chuyên biệt; biên dịch, phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành ở trình độ cao; giảng dạy tiếng Anh ở trình độ nâng cao.

- Về kỹ năng

+ PO5: Có kỹ năng thực hành và giao tiếp tiếng Anh trong các môi trường xã hội và công việc ở trình độ cao.

+ PO6: Có kỹ năng tổng hợp, phân tích các vấn đề chuyên môn liên quan đến Ngôn ngữ Anh.

+ PO7: Có kỹ năng nghiên cứu, viết báo cáo khoa học, trình bày và tranh luận các vấn đề khoa học liên quan đến chuyên ngành Ngôn ngữ Anh.

+ PO8: Có kỹ năng ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn liên quan đến biên, phiên dịch, giảng dạy tiếng Anh.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO9: Nhận thức rõ về ý thức tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ, và phát triển nghề nghiệp cá nhân.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Học viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh có thể:

- Làm viên chức giảng dạy tại các bậc học trong cả nước nếu có thêm các chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

- Làm việc ở các trung tâm, viện nghiên cứu, cơ quan quản lý về giáo dục và khoa học kỹ thuật, bộ phận hợp tác quốc tế, các cơ quan kinh tế và các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

- Làm công tác biên dịch, phiên dịch hoặc công tác tại các cơ quan truyền thông như báo chí, đài phát thanh, truyền hình.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Chương trình được thiết kế để đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

3.1. Về kiến thức

+ Kiến thức cơ sở:

- PLO1: Áp dụng được các kiến thức cơ bản về lịch sử triết học và trong triết học Mác-Lênin

để nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và đất nước và vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực chuyên môn của học viên cao học.

- PLO2: Sử dụng kiến thức và kỹ năng của ngoại ngữ 2 (tiếng Trung hoặc tiếng Pháp) tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương) ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu, có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường.

+ Kiến thức chuyên sâu:

- PLO3: Áp dụng kiến thức cập nhật về văn hóa và ngôn ngữ các nước nói tiếng Anh trong nghiệp vụ biên dịch, phiên dịch, và giảng dạy tiếng Anh.

- PLO4: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về lý thuyết ngôn ngữ học tiếng Anh để viết báo cáo, trình bày rõ ràng các ý kiến, phản biện, và đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề chuyên môn phức tạp.

- PLO5: Sử dụng kiến thức về tiến bộ khoa học kỹ thuật để giải quyết những vấn đề về chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu và ứng dụng tiếng Anh vào biên dịch, phiên dịch, và giảng dạy tiếng Anh.

- PLO6: Tổng hợp kiến thức cơ sở ngành và lý thuyết ngôn ngữ Anh trong việc truyền bá tri thức, quản lý, và dẫn dắt các hoạt động chuyên môn liên quan.

3.2. Về kỹ năng

+ Kỹ năng chung:

- PLO7: Sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ (Tiếng Trung/Pháp) để hỗ trợ công việc chuyên môn và hoạt động nghề nghiệp.

+ Kỹ năng chuyên môn:

- PLO8: Giao tiếp tiếng Anh và làm việc nhóm hiệu quả trong các môi trường xã hội và công việc chuyên môn trình độ cao.

- PLO9: Phân tích, đánh giá, và phản biện để giải quyết có hiệu quả những công việc phức tạp, không có tính quy luật, khó dự báo.

- PLO10: Đề xuất và độc lập nghiên cứu để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới trong công việc chuyên môn.

3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- PLO11: Thích ứng, tự định hướng cá nhân và dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

- PLO12: Xây dựng, thẩm định kế hoạch; phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; nhận định, đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

4. CHUẨN ĐẦU VÀO

+ Đã tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc ngành phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Anh (bao gồm ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh).

+ Có trình độ ngoại ngữ 2 Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành phù hợp:

TT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học phù hợp	Ghi chú
	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh/Anh văn) Sư phạm tiếng Anh	

- Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành cần bổ sung kiến thức: Danh mục ngành cần bổ sung kiến thức và học phần cần học bổ sung kiến thức bao gồm:

TT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành cần bổ sung kiến thức	Học phần bổ sung kiến thức	Ghi chú
	Ngôn ngữ Anh	- Nga - Anh - Pháp - Anh - Trung - Anh - Tiếng Anh Thương Mại - Tiếng Anh Kinh Tế	- Nói nâng cao - Nghe nâng cao - Viết nâng cao - Ngữ nghĩa học - Âm vị học - Cú pháp học	Tùy trường hợp cụ thể Khoa đề xuất lựa chọn số lượng HP bổ sung kiến thức

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn ban hành kèm theo Quyết định số 2705/QĐ-ĐHQN ngày 21/10/2021).

6. THỜI GIAN ĐÀO TẠO VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOA

6.1. Thời gian đào tạo: 2 năm

6.2. Khối lượng kiến thức toàn khoá: **60 tín chỉ** (bao gồm **06 tín chỉ** thực tập và **09 tín chỉ** đề án tốt nghiệp)

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
Phần kiến thức chung	7
Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	44
- Các học phần bắt buộc	18
- Các học phần tự chọn	20
-Thực tập	6
Đề án tốt nghiệp	9
Tổng	60

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Quy trình đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ 2 đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường Đại học Quy Nhơn; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ, THANG ĐIỂM

8.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

8.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

- a. Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
		Thể hiện tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các	Trong các buổi học	CLO7	

1	Đánh giá quá trình	Chuyên cần	hoạt động trong giờ học.			30-50%
			Vào lớp đúng giờ; vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	Trong các buổi học	CLO7	
		Bài tập thực hành viết các mục của bài báo trên lớp, hoạt động nhóm	Hoàn thành đầy đủ, chất lượng các tiêu mục của một bài báo	Trong các buổi học	CLO1, ..., CLO7	
			Mức độ hoàn thành công việc trong nhóm; chất lượng sản phẩm viết ra của nhóm	Trong các buổi học	CLO1, ..., CLO7	
2	Cuối kỳ	Viết tiểu luận	Một bài báo cáo theo thể thức viết khoa học	Theo kế hoạch của Nhà trường	CLO1, ..., CLO7	50-70%

b. Học phần thực tập

Học viên hoàn thành 2 đợt thực tập 10 ngày (10%). Học viên hoàn tất 01 đề cương thực tập (10%) và 01 nhật ký thực tập (10%), thực hiện nghiên cứu ngôn ngữ (20%) và viết báo cáo kết quả thực tập (50%) trong suốt quá trình thực tập để phản ánh quá trình và kinh nghiệm.

- Đề án tốt nghiệp

Trong chương trình đào tạo thạc sĩ ứng dụng ngành Ngôn ngữ Anh, học viên được yêu cầu thực hiện 01 đề án tốt nghiệp tương đương với 09 tín chỉ. Học viên phải thực hiện quy trình làm đề án bao gồm đăng ký đề tài, hoàn tất đề cương, thực hiện nghiên cứu, hoàn tất báo cáo bằng văn bản và thuyết trình trước hội đồng gồm 3-5 thành viên bao gồm 1-2 phản biện. Hội đồng sẽ cho điểm theo mẫu đánh giá.

8.3. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình và đánh giá tổng kết và được quy định cụ thể trong bản mô tả chương trình đào tạo của ngành.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng tín chỉ			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT, TH, TN, TL			
I. Phần kiến thức chung					7	6	1			
I.1. Triết học										

1	XHTH	501	Triết học (Philosophy)	1	4	4			LLCT-Luật và QLNN	
I.2. Ngoại ngữ										
2	NANN	502	Ngoại ngữ 2 (second foreign language) (Tiếng Pháp- French Tiếng Trung- Chinese)	1	3	2	1		NN	
II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành										
II.1. Phần bắt buộc										
					18	12	6			
3	NAĐC	503	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	1	3	2	1		NN	
4	TAPP	505	Phương pháp nghiên cứu (Research Methods)	1	3	2	1		NN	
5	TAUD	513	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	1	3	2	1		NN	
6	NATN	523	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)	2	3	2	1		NN	
7	TADH	516	Ngữ dụng học (Pragmatics)	2	3	2	1		NN	
8	NADN	517	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (Approaches in Discourse Analysis)	2	3	2	1		NN	
II.2. Phần tự chọn (chọn 20 TC)										
					20					
9	TAVK	507	Tiếng Anh viết văn bản khoa học (Academic Written English)	1	3	2	1		NN	
10	NAHK	508	Hoa Kỳ học (American Studies)	1	3	2	1		NN	
11	NATK	510	Thiết kế chương trình (Curriculum Design)	1	3	2	1		NN	
12	NACN	511	Công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ (ICT in Foreign Language Teaching)	2	3	2	1		NN	
13	NAVH	512	Ngôn ngữ và văn hóa (Language and Culture)	1	3	2	1		NN	
14	NAĐG	518	Thuyết đánh giá (Appraisal theory)	3	3	2	1		NN	
15	NAKT	519	Kiểm tra đánh giá khả năng ngôn ngữ (Language Testing and Evaluation)	3	3	2	1		NN	
16	NACN	522	Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)	2	3	2	1		NN	
17	NADT	514	Lý thuyết dịch thuật (Translation Theories)	3	3	2	1		NN	
18	NATT	509	Tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai (First and Second Language Acquisition)	2	2	2	0		NN	
19	NANN	520	Ngữ nghĩa học (Semantics)	2	2	2	0		NN	
20	NANP	504	Ngữ pháp lý thuyết (Theoretical Grammar)	2	2	2	0		NN	

21	NADC	515	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	3	2	2	0		NN
22	NACN	524	Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)	2	2	2	0		NN
23	TAXH	506	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	3	2	2	0		NN
24	NATL	525	Ngôn ngữ học tâm lý (Psycho-linguistics)	3	2	2	0		NN
25	NADK	528	Đọc văn bản khoa học (Academic Reading)	3	2	2	0		NN
26	TAGT	521	Nghiên cứu giao tiếp giao văn hóa (Cross-Culture Communication Studies)	2	2	2	0		NN
II.3. Thực tập					6				
27	NATT1	529	Thực tập 1	3	3	1	2		NN
28	NATT2	530	Thực tập 2	4	3	1	2		NN
III. Đồ án tốt nghiệp					9		9		
29	NADA	531	Đề án tốt nghiệp	4	9		9		NN
Tổng cộng					60				

10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo (học kỳ)				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
I. Kiến thức chung				7						
1	XHTH	501	Triết học (Philosophy)	4	4				K.LLCT-Luật và QLNN	LLCT-Luật và QLNN
2	NANN	502	Ngoại ngữ 2 (second foreign language) (Tiếng Pháp - French Tiếng Trung - Chinese)	3	3				TS. Nguyễn Thị Ái Quỳnh ThS. Nguyễn Thị Thu Hạnh ThS. Hồ Phương Tâm ThS. Nguyễn Thị Thắm	NN
II. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành										
II.1. Bắt buộc				18						
3	NADC	503	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	3	3				TS. Trương Văn Định GS. TS. Nguyễn Văn Hiệp	NN
4	TAPP	505	Phương pháp nghiên cứu	3	3				TS. Lê Nhân Thành	NN

			(Research Methods)						TS. Võ Ngọc Hồi	
5	TAUD	513	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	3	3				TS. Hà Thanh Hải PGS.TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật	NN
6	NATN	523	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)	3		3			TS. Hà Thanh Hải PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ	NN
7	TADH	516	Ngữ dụng học (Pragmatics)	3		3			PGS. TS. Nguyễn Quang Ngoạn TS. Trương Văn Định	NN
8	NADN	517	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (Approaches in Discourse Analysis)	3		3			PGS. TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật TS. Huỳnh Anh Tuấn	NN
II.2. Tự chọn (chọn 20 TC)				20						
9	TAVK	507	Tiếng Anh viết văn bản khoa học (Academic Written English)	3	3				PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền TS. Võ Ngọc Hồi	NN
10	NAHK	508	Hoa Kỳ học (American Studies)	3	3				TS. Bùi Thị Đào TS. Ngô Hữu Hoàng	NN
11	NATK	510	Thiết kế chương trình (Curriculum Design)	3	3				PGS. TS. Nguyễn Quang Ngoạn TS. Võ Duy Đức	NN
12	NACN	511	Công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ (ICT in Foreign Language Teaching)	3		3			TS. Lê Nhân Thành TS. Võ Thị Thanh Diệp	NN
13	NAVH	512	Ngôn ngữ và văn hóa (Language and Culture)	3	3				TS. Trương Văn Định TS. Hà Thanh Hải	NN
14	NADG	518	Thuyết đánh giá (Appraisal theory)	3			3		TS. Võ Duy Đức PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	NN
15	NAKT	519	Kiểm tra đánh giá khả năng ngôn ngữ (Language Testing and Evaluation)	3			3		TS. Lê Nhân Thành TS. Võ Ngọc Hồi	NN
16	NACN	522	Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)	3		3			PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền PGS. TS. Phan Văn Hòa	NN

17	NADT	514	Lý thuyết dịch thuật (Translation Theories)	3			3		TS. Lê Nhân Thành TS. Trương Văn Định	NN
18	NATT	509	Tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai (First and Second Language Acquisition)	2			2		TS. Võ Duy Đức TS. Võ Ngọc Hối	NN
19	NANN	520	Ngữ nghĩa học (Semantics)	2			2		PGS. TS. Nguyễn Quang Ngoạn PGS. TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật	NN
20	NANP	504	Ngữ pháp lý thuyết (Theoretical Grammar)	2			2		TS. Trương Văn Định TS. Huỳnh Anh Tuấn	NN
21	NADC	515	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	2			2		PGS. TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	NN
22	NACN	524	Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)	2			2		TS. Võ Duy Đức PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	NN
23	TAXH	506	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	2			2		TS. Bùi Thị Đào TS. Lê Nhân Thành	NN
24	NATL	525	Ngôn ngữ học tâm lý (Psycholinguistics)	2			2		TS. Võ Duy Đức PGS. TS Nguyễn Thị Thu Hiền	NN
25	NADK	528	Đọc văn bản khoa học (Academic Reading)	2			2		TS. Lê Nhân Thành TS. Hà Thanh Hải	NN
26	TAGT	521	Nghiên cứu giao tiếp giao văn hóa (Cross-Culture Communication Studies)	2			2		PGS. TS. Nguyễn Quang Ngoạn TS. Trương Văn Định	NN
II.3. Thực tập				6						NN
27	NATT1	529	Thực tập 1	3			3		PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền PGS. TS. Nguyễn Quang Ngoạn TS. Hà Thanh Hải TS. Lê Nhân Thành	NN
28	NATT2	530	Thực tập 2	3			3		PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	NN

										PGS. TS. Nguyễn Quang Ngoan TS. Hà Thanh Hải TS. Lê Nhân Thành	
III. Đề án tốt nghiệp				9					9		
29	NADA	531	Đề án tốt nghiệp	9					9		NN
Tổng cộng				60	19	16	13	12			

Bảng thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên HP	PLOs											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	XHTH501	Triết học (Philosophy)	M										M	H
2	NANN502	Ngoại ngữ 2 (second foreign language)		M						M				M
3	NADC503	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)		M	M	M	M	M	M	H				M
4	TAPP505	Phương pháp nghiên cứu (Research Methods)		M		M	M				M	M		H
5	TAUD513	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)			M	M		M			M	H		M
6	NATN523	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)				H		M			M	M		H
7	TADH516	Ngữ dụng học (Pragmatics)			M	H		M			H	H		H
8	NADN517	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (Approaches in Discourse Analysis)			M	H		M			H	H		H
9	TAVK507	Tiếng Anh viết văn bản khoa học (Academic Written English)		M		M	M			H			H	H
10	NAHK508	Hoa Kỳ học (American Studies)			M		M	M		H				H
11	NATK510	Thiết kế chương trình (Curriculum Design)		L				H			M			H
12	NACN511	Công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ (ICT in Foreign Language Teaching)		L				H		L	M			H
13	NAVH512	Ngôn ngữ và văn hóa (Language and Culture)		M	H				M				H	M
14	NADG518	Thuyết đánh giá (Apraisal theory)			M	H			H				M	M
15	NAKT519	Kiểm tra đánh giá khả năng ngôn ngữ (Language Testing and Evaluation)		L				M		M		H		H
16	NACN522	Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)			M	H			H				M	H
17	NADT514	Lý thuyết dịch thuật (Translation Theories)		M	M			H		M			H	M
18	NATT509	Tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai (First and Second Language Acquisition)		L				H		M	H	M		M

19	NANN520	Ngữ nghĩa học (Semantics)			M	H		H				M		H	
20	NANP504	Ngữ pháp lý thuyết (Theoretical Grammar)		M	M	H		H				M		H	
21	NADC515	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)		M	M	H		M			H	M		H	
22	NACN524	Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)		M	M	M	M			H				M	
23	TAXH506	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)			M	H		H			H	M		H	
24	NATL525	Ngôn ngữ học tâm lý (Psycho-linguistics)		M	M	H						M	M	H	
25	NADK528	Đọc văn bản khoa học (Academic Reading)		M	M	M				M		H		H H	
26	TAGT521	Nghiên cứu giao tiếp giao văn hóa (Cross-Culture Communication Studies)		M	H					M			H		M
27	NATT1529	Thực tập 1	M				H	H	H	H	H	H		H H	
28	NATT2530	Thực tập 2	M				H	H	H	H	H	H		H H	
29	NADA531	Đề án tốt nghiệp	M				H	H	H			H	H		H

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh khóa 24 cho học viên cao học ngành Ngôn Ngữ Anh.

- Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, Khoa quản lý chuyên môn sẽ tư vấn cho học viên chọn những học phần thích hợp.

- Trưởng khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

- Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật ít nhất 2 năm một lần, đáp ứng sự phát triển của ngành Ngôn Ngữ Anh và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội./.

Bình Định, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

HIỆU TRƯỞNG